

# DẤU ẤN CỦA NGÔN NGỮ VĂN HỌC GIAI ĐOẠN GIAO THỜI TRONG "NHO PHONG" VÀ "NGƯỜI QUAY TƠ" CỦA NGUYỄN TƯỜNG TAM (NHẤT LINH)

Lê Thị Quỳnh, Lê Hồng My\*

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

## TÓM TẮT

Ngôn ngữ trong **Nho phong** và **Người quay tơ** của Nguyễn Tường Tam tiêu biểu cho ngôn ngữ văn học giai đoạn giao thời. Về cơ bản, ngôn ngữ trong hai tác phẩm này còn chịu nhiều ảnh hưởng của ngôn ngữ văn xuôi trung đại. Dấu hiệu "hiện đại hóa" đã có nhưng chưa nổi bật.

Việc chỉ ra những đặc điểm (và cả những hạn chế) của ngôn ngữ trong hai tác phẩm **Nho phong** và **Người quay tơ** là điều cần thiết và hữu ích, giúp người nghiên cứu có cơ sở để đối chiếu, phân tích và khẳng định tính hiện đại và bước tiến trong ngôn ngữ nghệ thuật của các tác phẩm **Đoạn tuyệt**, **Đôi bạn**, **Bướm trắng**... khi Nhất Linh đã trở thành một cây bút chủ chốt trong nhóm "Tự lực văn đoàn".

**Từ khóa:** *Ngôn ngữ văn học, tính hiện đại*

\***Nhất Linh** là nhà văn đã có nhiều đóng góp vào quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX. Sự nghiệp văn học của Nhất Linh đã được nhiều người quan tâm, tìm hiểu. Song trong số các công trình đã công bố chưa có công trình nghiên cứu chuyên sâu về ngôn ngữ nghệ thuật của nhà văn.

Trong tình hình chung đó, việc tìm hiểu về ngôn ngữ nghệ thuật trong **Nho phong** và **Người quay tơ** (thuộc chặng đường sáng tác đầu tiên của Nhất Linh) tuy có được một số nhà nghiên cứu (Vũ Ngọc Phan, Vũ Gia, Phan Cự Đề...) đề cập đến nhưng mới chỉ là những nhận xét có tính khái quát. Nhìn chung, các ý kiến đều cho rằng ngôn ngữ của hai tác phẩm này còn "cổ lỗ", "đẻo gọt cầu kì", dùng rất nhiều từ ngữ đã mòn sáo; chưa có ý kiến nào chỉ ra dấu hiệu "hiện đại hóa" của ngôn ngữ trong hai tác phẩm trên [1], [2].

Từ những nhận xét khái quát đó, chúng tôi tập trung đi sâu vào khảo sát, phân tích, xác định rõ những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nghệ thuật trong **Nho**

**phong** và **Người quay tơ**; làm cơ sở tiên tới một cái nhìn hệ thống về sự vận động, phát triển trong ngôn ngữ nghệ thuật của Nguyễn Tường Tam - Nhất Linh qua hai chặng đường trước và sau khi tham gia Tự lực văn đoàn.

Với bút danh Nguyễn Tường Tam, hai tác phẩm **Nho phong** và **Người quay tơ** được Nhất Linh viết trong giai đoạn văn học Việt Nam đang chuyển biến từ phạm trù trung đại sang phạm trù hiện đại. Ở giai đoạn này, diện mạo văn học đang "ngổn ngang" cũ – mới và cái mới đã xuất hiện nhưng chưa đủ mạnh để chiến thắng hoàn toàn cái cũ trong cuộc tranh chấp này. Có thể thấy rõ điều đó qua tiêu thuyết **Nho phong** và tập truyện ngắn **Người quay tơ**. Ngôn ngữ trong hai tác phẩm này mang đậm dấu ấn ngôn ngữ văn học giai đoạn giao thời.

**Ngôn ngữ trong Nho phong và Người quay tơ còn đậm dấu ấn của ngôn ngữ văn xuôi trung đại**

\* **Nhiều từ Hán – Việt cổ mang tính ước lệ**

Trong **Nho phong**, số lượng từ cổ được sử dụng rất nhiều, đặc biệt là các từ Hán -

\* Lê Hồng My, Tel: 0915.214.439

Việt cổ. Ví dụ: các từ "thỉnh nghiệp", "tác thành" trong câu văn: "Bà Huấn liền nhân tiện nhắc đến việc muốn cho con giai sang thỉnh nghiệp, xin cụ nghĩ đến tình thân mà ra công tác thành cho". Tâm trạng Dương Văn đến tìm Lê Nương khi không thấy nàng cũng không khác nào tâm trạng Kim Trọng khi trở lại vườn Thuý; ngôn ngữ miêu tả cũng có những từ, ngữ tựa như ngôn ngữ trong **Truyện Kiều** của Nguyễn Du: "Đứng ngoài trông ngần ngợ trăm nỗi, nhớ đến cụ Phủ mà ngậm ngùi, không biết bây giờ cụ đã đi đến chốn nào xa xôi mit mù, linh hồn không biết còn quanh quất đầu đây nữa không; nếu cụ còn trông thấy cái cảnh song trăng quanh quẽ; vách mưa rã rời này, tuy cụ có tính điềm đạm thật, chắc cũng phải đau lòng vì cuộc đời thay đổi" [3;32].

Tập truyện ngắn **Người quay tơ** cũng còn nhiều từ cổ, như trường hợp đoạn văn sau: "...Có lòng kiên tính, có tính nghĩa hiệp, có mắt tinh đời, nàng gồm cả ba điểm đó, không cứ trong bọn quần thoả, dẫn trong đám tu mị cũng ít người sánh kịp, thế mà phải lưu lạc giang hồ, cùng cực đến thế. Có lẽ những người tài nữ kiêm bị thời dẫu cho nhi nữ, con tạo kia cũng ruồng rẫy đi chăng?".

Trong **Nho phong** và **Người quay tơ**, tác giả còn sử dụng nhiều từ ngữ cổ định, mang tính chất công thức như nói đến thiếu nữ thì: "tuổi mới trăng tròn" [3;1], tả đôi mắt: "làn thu ba như nhuộm về sâu" [3;14] hoặc: "làn thu ba đắm đuối như hỏi như han như oán trách vô ngần" [5; 39]; tả dáng vẻ mềm mại của người thiếu nữ: "...bóng hoa thấp thoáng, dáng liều than tân" [3;8]. Tả cảnh cũng vậy: "...trời chiều man mác, điểm cỏ cầu sương ..." [5;29], hay "... sắc núi màu lam, buổi sáng buổi chiều mây bay sương phủ" [5; 30]. Lối so sánh bóng bẩy quen thuộc trong các khúc ngâm thuở trước cũng thường xuất hiện. Ví dụ như: "...tóc nàng không nặng trái trông bối rối như mây thu" [3; 13], "... thấy nàng đi vào mặt tươi như hoa và lạnh như

sương, thời lòng tôi phấp phới như bướm trên hoa" [5; 39].

Những từ Hán – Việt cổ và từ ngữ có tính ước lệ như trên đã trở nên mòn sáo, thiếu sự hấp dẫn với độc giả Việt Nam những năm 20 của thế kỉ trước, khi "một buổi hòa nhạc tân kì đương sắp sửa".

#### \* **Nhiều từ ngữ và chữ viết của giai đoạn giao thời**

Có những từ ngữ trong **Nho phong** và **Người quay tơ** chỉ xuất hiện trong văn học giai đoạn giao thời, sau này chúng không được sử dụng nữa hoặc nếu có sử dụng cũng đã biến nghĩa.

Chẳng hạn nói về Lê Nương, người con gái vẫn đang ở thời thiếu nữ tác giả viết: "từ thửa trẻ long đơng khổ sở" (1) [3; 35]; hoặc tả hoàn cảnh và tâm trạng Lê Nương sau khi lấy Dương Văn – người nàng yêu - nhưng gia cảnh lại nghèo khó: "Hai ba năm ở nơi giàu sang, cái thân an nhàn đã quen, nay lại trở về chốn lầu tranh mà vẫn giữ được tính hay như khi còn nghèo khổ, không để cho cái khí nhuệ của mình phải xút kém, trong lòng lại thấy hứng khởi lạ thường" (2) [3; 101]. Trường hợp (1), từ "thửa trẻ" nay đã được thay thế bằng từ "thửa nhỏ". Trường hợp (2), từ "lầu tranh" bây giờ được thay bằng "lầu tranh" để miêu tả tình cảnh nghèo khó, còn từ "khí nhuệ" nay không còn được dùng nữa, hoặc nếu dùng thì được chuyển thành "nhuệ khí" để chỉ khí thế hăng hái, sắc sảo.

So với quy tắc chính tả hiện nay, trong **Nho phong** và **Người quay tơ** còn nhiều chữ viết không chuẩn chính tả. Khảo sát truyện **Nho phong** ta thấy có 80 chữ viết khác với quy tắc chính tả hiện nay (như: say thóc, xút kém, dun rủi, thu sếp, sáng xuốt, chơ chẽn, giò la, chôi bập bệnh, thuyền trài, sáng chưng, sinh sấn.v.v.)

#### \* **Câu văn đăng đối, du dương, mang dáng dấp của câu văn biền ngẫu**

Khảo sát và so sánh tần xuất của câu văn mang tính biền ngẫu trong hai cuốn tiểu thuyết **Nho phong** và **Tố Tâm**, chúng tôi thấy tỉ lệ trung bình của **Nho**

**phong** là 2 câu/ 1 trang văn bản, còn ở **Tố Tâm** là 1,2 câu/ 1 trang văn bản. Kết quả đó cho thấy, Nguyễn Tường Tam thích sử dụng kiểu câu đăng đối này hơn hẳn Hoàng Ngọc Phách, tác giả của **Tố Tâm**.

Việc sử dụng nhiều câu viết theo kiểu biến ngẫu vừa do ảnh hưởng của lối viết văn đương thời, vừa do cảm nhận thẩm mỹ "lấy sáo làm đẹp": của Nguyễn Tường Tam lúc đó, như ông đã lý giải: "*Tôi bị ảnh hưởng tai hại của nhà trường, của văn chương Pháp và của văn chương Tàu hay ta hồi ấy (quãng 1922 - 1930); tôi thích những câu đọc lên nghe êm tai, nhịp nhàng đăng đối (nhưng trống rỗng) thành thử tôi chỉ viết ra những câu như thế và cho ngay là truyện của tôi hay*"

**\* Kết cấu câu còn lỏng lẻo, mối quan hệ giữa các thành phần câu chưa rõ.**

Nhận xét về đặc điểm của câu văn tiếng Việt trong giai đoạn đầu thế kỷ XX, nhà nghiên cứu Đinh Văn Đức đã thấy: "...văn đã dùng dấu chấm câu, giữa hai dấu chấm có nhiều vế, có vế chính, vế phụ. Các vế được nối với nhau bằng liên từ. Cấu trúc câu còn khá phức tạp, vì chưa có tổ chức cú pháp chặt chẽ nên các ý còn lộn xộn, trùng điệp lên nhau" [1; 820]. Đặc điểm này thể hiện khá rõ trong sáng tác của Nhất Linh giai đoạn đầu. Có khi câu văn nhiều vế, nhưng chủ thể của hành động không có, mối quan hệ giữa các vế câu không rõ khiến cho câu văn rườm rà, lủng củng. Ví dụ: "*Một hôm, đương ngồi quay tơ ngoài sân thềm có một trò nhỏ đi qua, thấy nàng đẹp quá mê đút đi, ngày nào cũng hai lần trèo qua cái đồi cao sang để gặp mặt nàng như thế, được gần một năm*" [5; 13]. Có những câu dài, kết cấu cú pháp không rõ, liên kết không chặt, người viết chỉ chú ý cấu trúc đăng đối, ngân nga: "*Hai tay đưa chiếc thoi, trông rất sinh sấn, mếm mại đương dệt, thỉnh thoảng quay mặt trông ra vườn mai, bóng cành cây lay động trên bức lan can, tiếng hát dưới trăng trong, giáng người cũng thanh thoi, đối cảnh*

*tinh tứ nhẹ nhàng man mác, lòng vui như hiện ra nét cười trên miệng*" [3; 37]. Câu văn trên quá nhiều nội dung: tả nhân vật (tay đưa thoi đang dệt, thỉnh thoảng quay mặt trông ra vườn mai nhìn cảnh vật, nghe hát); nêu nhận xét của người kể chuyện, miêu tả tâm trạng nhân vật...Do cấu trúc câu phức tạp, lại thiếu các liên từ để làm rõ mối quan hệ giữa các vế câu nên ý nghĩa của câu không rõ, câu văn kém mạch lạc.

Trong tập truyện **Người quay tơ** còn có một số tác phẩm dịch, ngôn ngữ văn dịch của tác giả cũng mang nhiều nét cổ như vậy. Đây là một đoạn văn trong truyện ngắn **Truyện người ca kĩ họ Nguyễn** (dịch ở Kiến văn lục) mang đậm dấu ấn của ngôn ngữ trong văn xuôi trung đại về cả từ ngữ và cấu trúc câu văn: "*Thiếp nếu có phải là người trồng hoa thời thiếu gì trai tơ trong thiên hạ, tự nghĩ phận mình hát xướng khó kiếm được tám chông danh giá, nên phải đem con mắt tình đời mà kén chọn anh hùng từ khi rỗng mây chưa gặp, để hồng sau nương gửi tấm thân. Nếu chàng coi thiếp như liễu ngõ hoa tường thời nay xin từ biệt*" [5; 64].

Mặc dù **Nho phong** được viết sau **Tố Tâm** hai năm nhưng ngôn ngữ nghệ thuật của Nguyễn Tường Tam lại cổ hơn ngôn ngữ của Hoàng Ngọc Phách rất nhiều. Có lẽ, đó cũng là một trong những lí do khiến **Tố Tâm** đã gây nên cả một "cơn bão" trên văn đàn trong khoảng 10 năm trời, còn **Nho phong** lại nhanh chóng bị rơi vào quên lãng.

**Ngôn ngữ trong Nho phong và Người quay tơ bước đầu được hiện đại hóa.**

**\*Hiện đại hóa về mặt từ ngữ**

Tác giả đã chú ý đến việc dùng các từ giản dị nhưng bộc lộ đúng và rõ cảm xúc cụ thể, chân thực, bình dị của nhân vật. Ví dụ như: "*Dương Văn chờ mãi không thấy Lê Nương đến chơi, nhớ quá mặc áo, sang nhà ông Cử họa may có thấy mặt nàng cho bỏ tấm lòng khao khát*" (**Nho phong**). Có khá nhiều từ ngữ hiện

đại được đưa vào trong tác phẩm. Những từ ngữ này chỉ có thể có được trong xã hội Việt Nam khi đã trải qua quá trình tiếp xúc nhiều với văn hoá phương Tây, chẳng hạn như: "đồn điền", "thư viện", "công nghệ", "hoà hợp", "xã hội", "văn minh", "thoát li",... (**Người quay tơ**).

#### \*Hiện đại hóa về câu văn

Nhiều câu văn có cấu trúc rõ, gọn, dùng dấu câu phù hợp nên diễn đạt ý khá mạch lạc. Câu văn sau là một ví dụ: "Đêm đã khuya, cô con gái thôi hát, người đến xem cũng tản mát gần hết. Vườn lại vắng vẻ, chỉ còn lơ thơ vài ba cái đèn giầy treo trên cây, trông lại sân gạch đằng sau, bóng giăng xuống trắng soá" (**Nho phong**). Có không ít trường hợp tác giả viết câu văn dài nhưng nhờ sử dụng liên từ hợp lí nên diễn đạt ý rõ ràng, biểu đạt được trạng thái cảm xúc cụ thể của nhân vật: " *Người con gái hát đây, giọng đã trong, đối đáp lại tài, hát lên lắm câu thơ rất buồn và rất hay; những câu ấy nghe đâu như của chàng Dương Văn đã đặt sẵn ở nhà cho*" (**Nho phong**). Cặp liên từ: " *đã*" - " *lạ*" được sử dụng phù hợp nên vừa nhấn mạnh được ý, vừa tạo nên sự liên kết mạch lạc, chặt chẽ giữa các vế câu. Hoặc ở đoạn văn sau, tác giả đã biết sử dụng kết cấu câu theo kiểu đối lập, rồi tăng tiến (nhờ các liên từ), kết hợp với dấu câu phù hợp để diễn đạt rất khéo lời khuyên của ông Cử với Lê Nương: " *Lúc bác mất, cháu đã có lời giao ước với Dương Văn, nhưng chú xét ra như sức cháu không sao chịu được tình cảnh nhà ấy đâu; nghèo là khổ, cháu có lạ gì. Bấy lâu cháu quen ăn sung, mặc sướng, kẻ hầu, người hạ, nếu về làm dâu, bao nhiêu công việc nặng đều đến tay cả, tuy cháu cũng chăm làm thật, nhưng sức yếu ớt thế kia, gánh vác sao nổi. Chú càng nghĩ lại càng áy náy cho cháu lắm*" (**Nho phong**).

Những đặc điểm về cách dùng từ, đặt câu trong **Nho phong** và **Người quay tơ** đã khảo sát và phân tích trên đây cho thấy ngôn ngữ trong hai tác phẩm này

mang đậm dấu ấn của ngôn ngữ văn xuôi Việt Nam giai đoạn đầu thế kỷ XX - "ngôn ngữ văn xuôi sơ kì" (Đình Văn Đức) .

#### \* **Ngôn ngữ miêu tả đã mang vẻ đẹp tự nhiên gần gũi, bớt chất cổ kính, ước lệ; bước đầu có sự kết hợp giữa ngôn ngữ trần thuật và ngôn ngữ nhân vật**

Khi miêu tả thiên nhiên, ngôn ngữ trung đại thường mang vẻ ước lệ còn ngôn ngữ miêu tả thiên nhiên trong **Nho phong** và **Người quay tơ** đã mang vẻ đẹp tự nhiên hồn hậu, đầy sức sống của sự vật: " *Hôm ấy là ngày mùng ba tháng ba. Trời sáng mà êm đêm gió thổi mạnh, lá cây phấp phới, những ngọn dâu ướt mưa đêm hôm qua, ánh nắng chiếu vào trông như lấm tấm vàng. Dưới gốc lá tước gần hết, qua cành cây nhỏ và lơ thơ trông thấp thoáng thấy dòng sông Thôn Cháy. Cảnh vật hình như tươi cười hơn hờ*" [3; 22]. Cảnh vật tươi tắn, thân thuộc biết bao với con người nơi thôn quê, mang nét riêng của vùng quê có nghề trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt vải.

Ngôn ngữ miêu tả khá trong sáng, với những so sánh, liên tưởng giản dị, bay bổng, lãng mạn: " *Tiếng hát lúc to, lúc nhỏ, khi nhẹ nhàng như sợi tơ bay, khi trong vắt như bóng trăng lai láng, điệu thơ thanh thoát, nhờ nhẽ tự nhiên, câu đối đáp nhau có ý nhị,...*" [3; 37].

Có khi trong tác phẩm đã xuất hiện những so sánh cụ thể, mang dấu ấn ngôn ngữ hiện đại (tuy còn rất mộc mạc): "...mỗi một tiếng khóc của Lê - nương như một chiếc đinh đóng vào quả tim"[3; 28]; hoặc "trong lòng tình muốn yêu như nước thủy triều lên chan chứa"[3; 15].

Khi miêu tả nhân vật, ngôn ngữ trong văn xuôi tự sự trung đại thường chỉ chú ý khắc họa diện mạo, hành động, rất hiếm khi miêu tả tâm trạng nhân vật. Hoặc có miêu tả tâm trạng nhân vật cũng bằng một cái nhìn khách quan, tác giả đứng ngoài quan sát, Nguyễn Đăng Na nhận thấy: " *Ngay cả những đoạn phân tích tâm lí nhân vật, người viết vẫn tỏ ra "hững hờ"*

ngoài cuộc" [6; 96]. Chính vì thế tâm trạng nhân vật không được biểu hiện cụ thể. Nhưng trong **Nhò phong** và **Người quay tơ**, tác giả đã chú ý khắc họa những trạng thái tâm lí của nhân vật. Chẳng hạn câu văn miêu tả tâm trạng Dương Văn khi tình yêu bắt đầu chớm nở với người con gái xinh đẹp của cụ Phủ: "Một ngày hai ngày cái tình cứ dần dà thấm vào lòng, chàng không để ý mà cũng không ruồng rẫy cứ để yên mà hưởng cái thú phảng phất vô song" [3; 12]. Tình yêu e ấp của cả hai người trong buổi ban đầu được miêu tả thú vị qua hành động: "Dương Văn đâm ra có tính tò mò, đương viết có khi dừng bút nhìn qua vườn để trông bóng nàng đi lại bên kia sân; nàng qua lại luôn, có khi lại quay mặt về bên này. Dương Văn tưởng nàng nhìn thấy vội cúi mặt xuống, lấy tay bốp chán ra dáng nghĩ ngợi" [3; 12].

Lời kể của tác giả đã bắt đầu nhập được vào ý nghĩ của nhân vật: "Từ thừa trẻ long đong khổ sở, nhưng còn có người thương yêu đến, tới nay cha mẹ qua đời cả, anh em không có, cô độc một thân, cái hy vọng ở đời chỉ còn trông mong về đường chồng con mà lại không được như ý thì khổ biết đến thế nào?" [3; 35]. Tâm trạng đau khổ của Lê Nương khi không được chú cho lấy người mình yêu đã được khắc họa rõ nét qua lời kể ấy. Ở tác phẩm **Người quay tơ** còn xuất hiện kiểu nhân vật tâm lí, chẳng hạn như Phạm Đài trong truyện ngắn **Làm gì mà bán khoán thế**. Anh ta luôn trần trối, bán khoán không lúc nào yên khi nhận thấy cái tẻ nhạt, nhàm chán đơn điệu của cuộc sống "ngày hai buổi ung dung lên xe nhà vào sở". Để bộc lộ tâm trạng của nhân vật, tác giả sử dụng kiểu ngôn ngữ độc thoại và độc thoại nội tâm. Trong truyện có ba đoạn độc thoại thành lời và hai đoạn độc thoại nội tâm.

Đây là lời độc thoại thứ nhất của nhân vật: "Cái buồn cái lo nhỏ mọn làm gì mà bứt rứt thế? Ôi! Con người ta sinh ra là mảnh bụi làm gì mà bán khoán thế? Ta hãy quên đi, ta hãy nguôi đi" (1) [5;

53]. Lời độc thoại này đã bộc lộ nỗi trần trối của con người không thể tìm thấy niềm vui trong cuộc sống hiện tại, thấy mình sống vô nghĩa. Anh ta tìm mọi cách để quên đi những đau khổ, bán khoán ấy, kể cả bỏ việc, không xem sách, tìm mọi thú vui khác để không còn phải nhớ. Thậm chí trốn tránh cuộc đời tìm vào nơi rừng xanh, núi đồi để sống ẩn dật,... nhưng không thể thoát được.

Lời độc thoại thứ hai thể hiện sự thức tỉnh của nhân vật về lí do nỗi đau khổ đó: "Nhưng đem thân mình đến đâu là nó theo đuổi đến đấy, có khi tức quá lấy tay chỉ lên đầu mà than với mình rằng: "Nó ở đây, đi đâu mà không có nó được" (2) [5; 55]

Lời độc thoại thứ ba bộc lộ suy nghĩ, sự tự ý thức của nhân vật khi so sánh với người khác: "Phạm Đài lại tự hỏi: nhưng cũng có nhiều người như mình mà vẫn được yên tâm, vẫn sống như người khác có làm sao đâu" (3) [5; 56].

Trước hai đoạn độc thoại (2) và (3), tác giả đã xen hai độc thoại nội tâm để bộc lộ những suy nghĩ của nhân vật muốn ăn chơi cho quên đời hoặc bỏ lên rừng sống ẩn dật.

Một là: "Phạm Đài tự nghĩ mình hay suy xét về nghĩa lý ở đời mà công việc mình làm đây lại không có nghĩa lý gì mới nên thế chẳng".

Hai là: "Phạm Đài tưởng tượng bây giờ đi làm nghề kéo xe thời có khác gì không, chắc vẫn thế mà thôi, chỉ đổi cái bề ngoài không ăn thua, cốt chính là ở mình, muốn thoát ly thời phải giữ lòng mình được thanh thoi, giá lúc bấy giờ có cái suối tiên nào mà tắm được nhẹ nhàng tắm thân, làn nước nào làm trôi sạch cả cái bực tức ấy đi thời khoan khoái đến đâu" [5; 55],

Như vậy tác giả đã biết kết hợp cả lời kể của mình với lời độc thoại và độc thoại nội tâm khi xây dựng chân dung nhân vật trong tác phẩm, điều đó đã giúp cho nhân vật có đời sống nội tâm rõ nét hơn. Nhưng ngôn ngữ độc thoại và độc thoại nội tâm trong **Người quay tơ** còn ở mức

rất thô sơ, đơn giản, mới chỉ thể hiện được những suy nghĩ "lộ thiên" của nhân vật, chứ chưa đi sâu được vào những vùng "mờ tối", những uẩn khúc, éo le trong tâm trạng con người như ngôn ngữ trong các sáng tác giai đoạn sau. Trước các độc thoại, bao giờ tác giả cũng có lời chỉ dẫn cụ thể, "mách bảo" cho người đọc biết bằng các dấu hiệu hình thức rõ ràng nhờ các từ như: "*tự than*", "*than với mình rằng*", "*tự hỏi*" .v.v...

**\*Xuất hiện ngôn ngữ đối thoại nhưng chưa thể hiện rõ cá tính của nhân vật**

Các nhân vật trong truyện **Nho phong** và **Người quay tơ** đã được xây dựng như những con người có ý thức về cá nhân, có khát vọng về cuộc sống hạnh phúc nhưng ý thức cá nhân chưa đủ mạnh để đưa nhân vật vượt lên khỏi tư tưởng đạo lý Nho giáo. Chẳng hạn lời tâm sự giữa Lê Nương và Dương Văn trong một không gian trữ tình của đêm trăng, lúc vắng vẻ, không ai có thể ngăn trở họ bộc lộ tình yêu, thể nhưng cả hai đều không dám bày tỏ tình yêu, mà đều khuyên nhau tuân theo sự sắp đặt của gia đình, thuận theo lễ giáo phong kiến:

"*Dương Văn nghe cũng cảm thương*

- *Bây giờ quyền gả bán ở tay ông Cử, bổn phận cô là phải nghe theo, tôi cũng không dám trách cô nữa, cô cứ an tâm mà ăn ở thế nào cho phải đạo. Nếu sự đã quá đi rồi, cô không thể không nhận lời với bên kia được, thời thật đêm nay là đêm đôi ta ra đây than thở để từ biệt nhau.*

Nàng cứ lặng yên ngồi nghe, Dương Văn nói đến câu cuối cùng thì nàng hơi dướm dướm nước mắt như muốn khóc, thỏm thức mà nói rằng:

- *Giao ước với nhau cũng là ngỡ về sau ân ái một lòng, nếu biết trước rằng giờ dang như thế này thì thà như không biết nhau cho xong. Nhưng đã biết rồi thì dứt ra cũng đau lòng lắm. Cái cảnh tôi thật là*

*khó nghĩ quá. Nếu không nhận lời thì không sao ở đây được nữa*" [3; 54/ 55].

Đối thoại của các nhân vật vẫn là lời phát ngôn cho quan niệm về "bổn phận", "phải đạo" từ ngàn đời. Ngôn ngữ chưa giúp cho nhân vật trở thành "con người này" với những nét tính cách cụ thể, riêng biệt, sinh động của nó.

**Tóm lại**, ngôn ngữ trong **Nho phong** và **Người quay tơ** của Nguyễn Tường Tam tiêu biểu cho ngôn ngữ văn học giai đoạn giao thời. Về cơ bản, ngôn ngữ trong hai tác phẩm này còn chịu nhiều ảnh hưởng của ngôn ngữ văn xuôi trung đại. Dấu hiệu "hiện đại hóa" đã có nhưng chưa nổi bật.

Việc chỉ ra những đặc điểm (và cả những hạn chế) của ngôn ngữ trong hai tác phẩm **Nho phong** và **Người quay tơ** là điều cần thiết và hữu ích, giúp người nghiên cứu có cơ sở để đối chiếu, phân tích và khẳng định tính hiện đại và bước tiến trong ngôn ngữ nghệ thuật của các tác phẩm **Đoạn tuyệt**, **Đôi bạn**, **Bướm trắng**... khi Nhất Linh đã trở thành một cây bút chủ chốt trong nhóm "Tự lực văn đoàn".

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Phan Cự Đệ (2005) , *Văn học Việt Nam Thế kỷ XX – Những vấn đề lịch sử và lí luận*, NXB Giáo dục, H.
- [2]. Mai Hương (2000), *Nhất Linh – Cây bút trụ cột của Tự lực văn đoàn*, NXB VHNT, H.
- [3]. Nhất Linh (1926) , *Nho phong* – Nghiêm Hàm ấn quán xuất bản, H.
- [4]. Nhất Linh (1927) , *Người quay tơ*– Đồi nay – Sài Gòn (tái bản) 1968.
- [5]. Nhất Linh - *Truyện ngắn* – Trịnh Bá Đĩnh tuyển chọn và giới thiệu, NXB Văn học, H. năm 2000.
- [6]. Nguyễn Đăng Na (2003) – *Đặc điểm văn học Việt Nam trung đại – những vấn đề văn xuôi tự sự*, NXB Giáo dục, H.
- [7]. Hoàng Ngọc Phách (1925) - *Tổ Tâm* (NXBGD, H tái bản 1988).

## SUMMARY

**THE MARK OF LITERARY LANGUAGE IN THE TRANSMISSION PERIOD INDICATED IN “NHO PHONG” AND “NGUOI QUAY TO” BY NGUYEN TUONG TAM (NHAT LINH)****Le Thi Quynh, Le Hong My\****College of Education, Thai Nguyen University*

“*Nho phong*” and “*Nguoi quay to*” were written by Nguyen Tuong Tam in the period of Vietnamese literature from middle-age category to modern one. The language used in these two works is symbolical for the language of the transmission period. Basically, the language here was affected by the language of middle-age literature. In spite of its appearance, the indication of “modernization” was unimpressive.

It is necessary to show the characteristics of these two works, even their limitations. This will help the researchers be able to compare, analyze and affirm the modernity and the advance in the artistic language of Nhat Linh when he became one of the most important writers of “Tu luc van doan”.

**Keyword:** *Literary language, modernity*

---

\* *Le Hong My, Tel: 0915.214.439*